

Số: 19 /2011/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 26 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TT-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- Cục KTVBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, NC, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 19 /2011/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí trọng thủy văn, đo đạc và bản đồ, tài nguyên môi trường biển và đảo (sau đây gọi chung là dữ liệu về tài nguyên và môi trường); trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải là các bản chính, bản gốc gồm tài liệu, mẫu vật, số liệu đã được xử lý và lưu trữ theo quy định. Dữ liệu về tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Dữ liệu về đất đai gồm:

a) Số liệu phân hạng, đánh giá đất, thống kê, kiểm kê đất đai, bản đồ phân hạng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; số liệu điều tra về giá đất;

b) Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt;

c) Bản đồ địa chính; kết quả giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

2. Dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

- b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;
- c) Các dữ liệu về khai thác và sử dụng tài nguyên nước;
- d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước quốc tế;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; trám lấp giếng khoan;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước.

3. Dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Thống kê trữ lượng khoáng sản;

b) Kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các mẫu vật địa chất, khoáng sản;

c) Quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, quy hoạch về thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

d) Bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, địa chất khoáng sản, địa chất thủy văn, địa chất công trình và các bản đồ chuyên đề về địa chất và khoáng sản;

đ) Khu vực đấu thầu hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản đặc biệt độc hại; các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

e) Báo cáo hoạt động khoáng sản; báo cáo quản lý nhà nước hàng năm về hoạt động khoáng sản;

g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Dữ liệu về môi trường gồm:

a) Các kết quả điều tra, khảo sát về hiện trạng môi trường;

b) Dữ liệu, thông tin về đa dạng sinh học;

c) Dữ liệu, thông tin về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

d) Danh sách, thông tin về các nguồn thải, chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, nơi tiếp nhận nguồn thải;

đ) Các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường;

e) Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã được đưa ra khỏi danh sách;

g) Thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường được phép trao đổi;

h) Kết quả về giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải;

i) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường

5. Dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

- a) Các tài liệu, số liệu điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước, biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ô dôn;
- b) Các loại biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh, các loại phim, ảnh về các đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;
- c) Hồ sơ kỹ thuật của các công trình khí tượng thủy văn;
- d) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động khí tượng thủy văn.

6. Dữ liệu về đo đạc và bản đồ gồm:

- a) Hệ quy chiếu quốc gia;
- b) Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở, điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
- c) Hệ thống ảnh máy bay, ảnh vệ tinh phục vụ đo đạc và bản đồ;
- d) Hệ thống bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ biên giới quốc gia, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, bản đồ địa lý tổng hợp và các loại bản đồ chuyên đề khác;
- đ) Hệ thống thông tin địa lý;
- e) Thông tin tư liệu thứ cấp được hình thành từ các thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ nêu tại các điểm a, b, c, d, đ Khoản này và thông tin tư liệu tích hợp của thông tin tư liệu về đo đạc và bản đồ với các loại thông tin tư liệu khác;
- g) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Dữ liệu tài nguyên môi trường biển và đảo gồm:

- a) Dữ liệu về đất có mặt nước biển;
- b) Dữ liệu về địa hình đáy biển;
- c) Dữ liệu về tính chất cơ lý của nước biển;
- d) Dữ liệu về địa chất biển, địa vật lý biển, khoáng sản biển;
- đ) Dữ liệu về dầu, khí biển;
- e) Dữ liệu về sinh vật biển;
- g) Dữ liệu về chất lượng môi trường biển và ven bờ biển;
- h) Dữ liệu về khí tượng, thủy văn biển;
- i) Dữ liệu về đảo;
- k) Dữ liệu về đa dạng sinh học biển;
- l) Dữ liệu khác liên quan đến tài nguyên, môi trường biển.

8. Kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

9. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

11. Dữ liệu khác liên quan đến các lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

2. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khách quan;

3. Bảo đảm tính khoa học, thuận tiện cho khai thác và sử dụng;

4. Bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ và có hệ thống;

5. Sử dụng dữ liệu đúng mục đích;

6. Khai thác và sử dụng dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (đối với các trường hợp được quy định tại Khoản 2 Điều 17 quy chế này);

7. Tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 5. Chính sách khuyến khích

UBND tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu và hiến tặng các dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình thu thập để bảo đảm việc khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu về tài nguyên và môi trường trong toàn tỉnh.

Chương II

THU THẬP, QUẢN LÝ DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu

1. Lập và phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu.

a) Căn cứ vào các quy định, các Sở, ban, ngành của tỉnh, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định dữ liệu cần thu thập, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp kế hoạch thu thập dữ liệu dự kiến.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Thông tin và

Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh, xong trước ngày 15 tháng 10 hàng năm.

c) Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi một bản kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã phê duyệt đến Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thực hiện kế hoạch.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

b) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật dữ liệu. Nội dung dữ liệu thu thập phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả. Ưu tiên mục tiêu dài hạn. Ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích khác nhau.

c) Trường hợp pháp luật quy định việc thu thập dữ liệu phải được phép của Ủy ban nhân dân tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép.

d) Việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Các hình thức thu thập, cập nhật dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

a. Yêu cầu cung cấp dữ liệu, tiếp nhận dữ liệu từ các tổ chức và cá nhân theo quy định;

b. Quan trắc, điều tra, khảo sát;

c. Nghiên cứu, dự báo;

d. Tổng hợp, tạo lập dữ liệu và các hình thức khác.

Điều 7. Quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã thu thập được

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường ở địa phương.

2. Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

Điều 8. Chế độ bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu, vận chuyển tài liệu, lưu trữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác liên quan đến phạm vi bí mật nhà nước phải tuân thủ theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường được cấp quyền truy cập riêng, nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải thực hiện bảo mật theo mức độ bảo mật quy định và phải có phương án bảo vệ các dữ liệu.

Điều 9. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ các quy định, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong thu thập, quản lý tài liệu.

2. Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để xây dựng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh, trong thời hạn chậm nhất một (01) tháng kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm có trách nhiệm giao nộp cho Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị một (01) bộ dữ liệu phải là bản chính, bản gốc theo quy định. Trường hợp quá (01) tháng nhưng chưa bàn giao dữ liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải lập danh mục gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

3. Biên bản giao nộp dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị theo quy định là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

4. Không được lợi dụng việc cung cấp dữ liệu để sách nhiễu, trục lợi, phát tán tài liệu, dữ liệu trái với quy định của pháp luật.

5. Được từ chối yêu cầu cung cấp dữ liệu trái quy định của pháp luật.

Điều 10. Kinh phí thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường

Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước bảo đảm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 11. Công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng Internet, trang tin điện tử của các cơ quan Trung ương và địa phương nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường là danh sách những dữ liệu về tài nguyên và môi trường hiện có kèm theo chỉ dẫn về phương thức tiếp cận, cơ quan quản lý, địa chỉ truy cập, nơi lưu trữ, bảo quản dữ liệu.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá khả năng khai thác, sử dụng, mức độ phổ biến dữ liệu để xây dựng Danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

3. Năm (5) năm một lần, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương.

Điều 12. Hình thức, thủ tục khai thác, sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

b) Khai thác và sử dụng dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa cơ quan quản lý dữ liệu và bên khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu theo hình thức phiếu hoặc văn bản yêu cầu được thực hiện theo quy định sau:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu nộp phiếu yêu cầu hoặc gửi văn bản yêu cầu cho các cơ quan quản lý dữ liệu quy định tại Điều 13 Quy chế này;

b) Khi nhận được văn bản yêu cầu hợp lệ của tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện việc cung cấp dữ liệu cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu khai thác và sử dụng dữ liệu. Thời hạn cung cấp dữ liệu do các bên thỏa thuận. Trường hợp từ chối cung cấp dữ liệu thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Điều 13. Trình tự, thủ tục cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thực hiện như sau:

1. Nộp văn bản hoặc phiếu yêu cầu trực tiếp tại cơ quan quản lý và lưu trữ dữ liệu.

Nếu người yêu cầu cung cấp dữ liệu là cơ quan Nhà nước thì có thể gửi văn bản, phiếu yêu cầu thông qua bưu điện, fax.

2. Cơ quan quản lý dữ liệu tiếp nhận văn bản hoặc phiếu yêu cầu.

3. Thông báo nghĩa vụ tài chính (đối với trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Khoản 2 Điều 17 Quy chế này, nhưng chưa xác định ngay được).

4. Ký kết hợp đồng (nếu cần).

5. Trả kết quả.

Điều 14. Những trường hợp không cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Văn bản yêu cầu cung cấp mà nội dung không rõ ràng, cụ thể.
2. Văn bản yêu cầu không có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu xác nhận đối với tổ chức; phiếu yêu cầu không có chữ ký, tên, địa chỉ cụ thể của cá nhân yêu cầu cung cấp dữ liệu.
3. Không có, không rõ hoặc mục đích sử dụng không phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức, cá nhân khai thác sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Tuân thủ triệt để các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Quy chế này.
2. Không được cung cấp cho bên thứ ba dữ liệu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp cho mình để khai thác, sử dụng, trừ trường hợp đã giao kết trong hợp đồng.
3. Trả chi phí khai thác, sử dụng dữ liệu trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 Quy chế này.
4. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý dữ liệu những sai sót của dữ liệu đã cung cấp.
5. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác sử dụng dữ liệu của mình.
6. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp dữ liệu cung cấp dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được quyền truy cập dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Truy cập đúng địa chỉ, mã khóa. Không được làm lộ địa chỉ, mã khóa truy cập đã được cấp.
2. Chỉ được khai thác sử dụng dữ liệu trong phạm vi mình được cấp. Không xâm nhập trái phép cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, sử dụng đúng mục đích.
3. Quản lý nội dung các dữ liệu đã khai thác, không được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp đã thỏa thuận, được phép của cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.
4. Không được thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ, hiển thị, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ dữ liệu; không được tạo ra hoặc phát tán phần mềm làm rối loạn, thay đổi, phá hoại cơ sở dữ liệu.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tài chính, tuân theo các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, chịu trách nhiệm về sai phạm do khai thác, sử dụng dữ liệu gây ra.

Điều 17. Kinh phí khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được thu thập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

3. Trên cơ sở quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu, nộp, sử dụng phí khai thác các dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 18. Thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Tối mật.

2. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép cung cấp sử dụng tài liệu Mật.

3. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ dữ liệu cho phép cung cấp sử dụng tài liệu ngoài các tài liệu đã quy định ở khoản 1, khoản 2 của Điều này.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan quản lý dữ liệu

1. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, số hóa, cung cấp, chia sẻ dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh trước ngày 15 tháng 10 hàng năm và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch khi được phê duyệt;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên công (hoặc trang) thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở; biên tập, phát hành Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh;

d) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường; Quảng Trị phối hợp với các đơn vị có liên quan để thu thập, tiếp nhận, xử lý, xây dựng, quản lý, cập nhật, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh; phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, quản lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn; cung cấp, giao nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường cho Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị theo quy định.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường được tiến hành thường xuyên và định kỳ. Trong trường hợp cần thiết có thể thanh tra, kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 21. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện quy chế này, thì được xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi chiếm giữ, tiêu hủy trái phép, làm hư hỏng dữ liệu về tài nguyên và môi trường; khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trái với Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Khiếu nại, tố cáo

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về thu thập, quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Các tổ chức, cá nhân, UBND các cấp đang quản lý và lưu trữ dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được xây dựng, điều tra, thu thập bằng ngân sách Nhà

nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước trước ngày quy chế này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

1. Trường hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được nghiệm thu đánh giá thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân và UBND các cấp đang quản lý dữ liệu có trách nhiệm cung cấp một (01) bộ dữ liệu gốc cho Trung tâm Công nghệ Thông tin Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị. Thời hạn cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày quy chế này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì tổ chức, cá nhân phải cung cấp cho cơ quan quản lý dữ liệu theo quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường